

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2017/HC-PT

Ngày: 26/9/2017

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Hải

Ông Ngô Dũng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hằng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:

Bà Lương Thúy Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2017/TLPT-HC ngày 20 tháng 7 năm 2017 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2017/HC-ST ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2017/QĐXX-PT ngày 22 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Trần Thị Bích Đ, sinh năm 1947, địa chỉ: Số 253, tổ 5, khóm B, phường M, thành phố Đ, tỉnh An Giang; Có bà Phạm Thị Hồng Y, sinh năm 1973, cùng địa chỉ đại diện theo ủy quyền; Có mặt.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh An Giang; trụ sở tại: Số 10, đường L, phường B, thành phố Đ, tỉnh An Giang. Có ông Đinh Văn B - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 18/GUQ-UBND ngày 20/7/2016); Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Tôn Chí D, sinh năm 1978; Có mặt.

Cư trú: Tổ 11, ấp C, xã Đ, huyện P;

2. Bà Võ Thị Ánh N, sinh năm 1961; Vắng mặt.

Cư trú: Tổ 18, khóm C8, phường B, thành phố Đ, tỉnh An Giang;

3. Bà Tôn Thị H1, sinh năm 1963; Có mặt.

Cư trú: Số 87/7 đường C, tổ 21, khóm 6, phường A, thành phố Đ, tỉnh An Giang;

4. Bà Đỗ Thị H2, sinh năm 1973; Vắng mặt.

Cư trú: Số 402 đường B, khóm C, phường M, thành phố Đ, tỉnh An Giang;

5. Ông Trần Văn G, sinh năm 1959; Vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1962. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 204A/11, đường P, khóm B1, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai của người khởi kiện là bà Trần Thị Bích Đ trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đ trình bày:

Bà Đ khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 01/4/2014 của Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Đ (Quyết định số 729/QĐ-UBND) về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN QSDĐ) số H01791cE ngày 29/9/2006 do UBND thị xã (nay là thành phố) Đ cấp cho bà với lý do, việc cấp quyền sử dụng đất (QSDĐ) cho bà là không đúng quy định, chồng lấn lên một phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng của ông Tôn Chí D theo GCN QSDĐ số 0081cE do UBND thị xã (nay gọi là thành phố) Đ cấp ngày 18/3/2005.

Bà cho rằng, UBND thành phố Đ ban hành Quyết định nói trên là không có căn cứ. Vì nguồn gốc QSDĐ là do chồng bà ông Phạm Quế P nhận chuyển nhượng lại của ông Đỗ Thành T vào ngày 19/4/1990, có lập giấy tay, có bản vẽ thuyết minh và nhiều nhân chứng ký tên. Quá trình sử dụng, ông P và bà Đ có thực hiện nghĩa vụ đóng thuế từ năm 1995 trở về sau. Vào năm 1992, ông P có cho bà Võ Thị Ánh N ở nhờ trên đất của ông P, bà Đ. Vài năm sau, bà N được hỗ trợ cất nhà tình nghĩa ở nơi khác nhưng bà N không đồng ý và có yêu cầu được tiếp tục ở nhờ trên đất của ông P, bà Đ. Được chính quyền địa phương vận động, ông P chấp nhận cho bà N tiếp tục ở nhờ. Năm 1994, ông P chết. Vào năm 2003, khi đoàn đo đạc đến đo đạc diện tích đất nói trên để cấp GCN QSDĐ cho bà Đ, bà Đ có xuất trình hồ sơ kèm theo giấy sang nhượng QSDĐ giữa ông P và ông T vào ngày 19/4/1990, hồ sơ đề nghị cấp giấy được chính quyền địa phương, cơ quan chức năng xác nhận không tranh chấp, thống nhất đề nghị duyệt cấp. Tuy nhiên, bà Đ không thực hiện thủ tục ủy quyền của các con bà đối với phần di sản thừa kế của ông P. Đến ngày 29/9/2006, UBND thị xã Đ cấp GCN QSDĐ cho bà Đ với diện tích 846,8m² số H01791cE, trong đó có diện tích 300m² là đất ở, diện tích 546,8m² là đất trồng cây lâu năm. Bà Đ cho rằng, việc cấp GCN QSDĐ cho bà là không trái pháp luật.

Ngoài đơn khởi kiện, bà Đ giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ bao gồm: bản sao Quyết định số 729/QĐ-UBND; bản sao GCN QSDĐ số H01791cE ngày 29/9/2006 mang tên bà Trần Thị Bích Đ; bản sao biên bản xác định ranh giới – mốc giới khu đất ngày 07/3/2003; bản sao Tờ giao ước thỏa thuận ngày 19/4/1990; bản sao đơn xin đăng ký QSDĐ ngày 12/8/2004.

- Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là UBND thành phố Đ, ông Đinh Văn B – Phó chủ tịch UBND thành phố Đ cho rằng, việc thu hồi GCN QSDĐ số H01971cE ngày 29/9/2006 của bà Đ theo Quyết định số 729/QĐ-UBND được thực hiện đúng trình tự và quy định của pháp luật, nên không có cơ sở để thu hồi và cung cấp cho Tòa án toàn bộ hồ sơ cấp GCN QSDĐ cho bà Trần Thị Bích Đ và ông Tôn Chí D.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Tôn Chí D có lời khai, vào tháng 7/2011, ông được chị ruột là bà Tôn Thị H1 tặng cho QSDĐ với diện tích 73,4m², tọa lạc tại tổ 5, khóm B, phường M, thành phố Đ theo GCN QSDĐ số 0081cE ngày 18/3/2005. Trên đất, có tồn tại căn nhà với diện tích nhỏ hơn diện tích đất gắn liền. Việc tặng cho QSDĐ có lập thành hợp đồng, được công chứng, chứng thực và đã hoàn thành thủ tục chuyển đổi tên. Ông thống nhất với Quyết định thu hồi QSDĐ của bà Đ theo GCN QSDĐ số H01971cE ngày 29/9/2006, vì việc cấp QSDĐ cho ông là đúng quy định.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Ánh N khai rằng, diện tích mà ông D được cấp quyền sử dụng theo GCN QSDĐ số 0081cE, ngày 18/3/2005 có nguồn gốc là do bà tự chiếm dụng và ở từ năm 1989. Đến năm 1993 thì bà được Nhà nước hỗ trợ cho cất nhà tình nghĩa. Năm 1996, bà chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất cho ông C (bà không rõ thông tin của ông C). Quá trình sử dụng, bà chưa được cấp GCN QSDĐ, quyền sở hữu nhà. Bà N xác định, khoảng 2 năm sau khi bà tự chiếm dụng phần đất nói trên thì ông P mới nhận chuyển nhượng QSDĐ từ ông T. Bà không rõ diện tích nhận chuyển nhượng bao nhiêu nhưng có bao gồm diện tích đất hiện nay bà Đ được cấp quyền sử dụng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K, ngày 10/6/2016 có lời khai: Bà và ông Trần Văn G là vợ chồng, khoảng hơn 18 năm về trước vợ chồng có nhận chuyển nhượng nhà và đất của ông Huy (không rõ họ tên địa chỉ) với diện tích 73,4 m². Sau đó, vợ chồng về thành phố Long Xuyên sinh sống nên chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Tấn H và làm hồ sơ kê khai cấp quyền sử dụng số 00259 QSDĐ/Bđ ngày 27/02/2003, nhưng lập hợp đồng chuyển nhượng với bà Đỗ Thị H2 (vợ ông H). Do bà không biết nên không ký tứ cận để bà Đ kê khai đăng ký QSDĐ. Đối với khiếu kiện của bà Đ, không liên quan đến vợ chồng bà. Bà K xin vắng mặt khi Tòa án triệu tập đối thoại, đối chất, tham dự phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị H2, ngày 31/03/2017 có bản tự khai: Vào ngày 12/3/2004, bà có nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị K diện tích 73,4 m². Sau khi thanh toán đủ tiền, bà được UBND thành phố Đ cấp GCN QSDĐ số 00259/QSDĐ/Bđ ngày 14/5/2004. Đến ngày 31/01/2005, bà chuyển nhượng lại cho bà Tôn Thị H1. Ngày 18/3/2005, bà H1 được cấp GCN

QSDĐ số 0081cE mang tên bà Hồng, ông Toại. Đối với yêu cầu của bà Đ, bà H2 không có ý kiến và xin được vắng mặt khi vụ án đưa ra xét xử.

Ông D, bà N, bà K, bà H1 và bà H2 không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào khác ngoài lời khai.

Tại Bản án sơ thẩm số: 02/2017/HC-ST ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đ quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 38 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 206, Điều 348, khoản 1 Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 34 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích Đ về việc yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 729/QĐ-UBND.

Bà Trần Thị Bích Đ phải chịu chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ 589.000 (năm trăm tám mươi chín triệu) đồng.

Ngoài ra Bản án còn nêu phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự

Ngày 26/6/2017, bà Trần Thị Bích Đ kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đ.

Những vấn đề cụ thể trong Đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Sửa án sơ thẩm, hủy Quyết định số 729/QĐ-UBND.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Bà Trần Thị Bích Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong Đơn kháng cáo: Yêu cầu hủy Quyết định số 729/QĐ-UBND, vì đất này là của bà Đ, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đ là phù hợp quy định của pháp luật.

- Bà Tôn Thị H1 và ông Tôn Chí D đồng ý với Quyết định số 729/QĐ-UBND

- Kiểm sát viên đề nghị: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

+ Về nội dung: Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đ chưa đầy đủ thủ tục. Trên đất này một phần đã cấp cho bà K nên việc cấp giấy cho bà Đ là không đúng trình tự, thủ tục. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định số 729/QĐ-UBND thu hồi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Đ là đúng. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Đ là đúng. Bà Đ kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính bác kháng cáo của bà Đ, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Bích Đ yêu cầu hủy Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 01/4/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Quyết định số 729/QĐ-UBND được ban hành đúng về hình thức, đúng thẩm quyền.

[3]. Về trình tự thu hồi thì thấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Đ là ngày 29/9/2006. Tuy nhiên, trên đất này đã có một phần diện tích đất đã cấp cho bà Đỗ Thị H2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00259/QSĐĐ/Bđ ngày 14/5/2004, tức là cấp trước khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đ. Do đó, vào thời điểm cấp Giấy cho bà Đ thì đất này đã được Nhà nước công nhận Quyền sử dụng đất cho người khác. Nên việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đ tại thời điểm đó là không đúng quy định của pháp luật.

[4]. Sau khi kiểm tra, cơ quan Thanh tra thành phố Đ đã có kết luận về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trái pháp luật. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố Đ thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Đ là đúng pháp luật.

[5]. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định 729/QĐ-UBND ngày 01/4/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ là có cơ sở.

[6]. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Bích Đ, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đ. Bà Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: + Khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Phúc xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Bích Đ

- Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2017/HC-ST ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đ về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” giữa: Người khởi kiện bà Trần Thị Bích Đ với người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Đ.

- Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trần Thị Bích Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào 300.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0014720 ngày 06/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ. Nên bà Đ không phải nộp thêm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh AG;
- TAND thành phố Châu Đốc;
- THA thành phố Châu Đốc;
- Dương sự;
- VP, KTNV-THA, THC;
- Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Vũ